| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày: 14-3-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Lước;

2. Bà Đặng Thị Thanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lang Văn H, sinh năm 1994 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Bản X, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lang Văn S (đã chết) và bà Lang Thị V, sinh năm 1964; có vợ tên Lê Thị T, sinh năm 1992, có một con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 06/11/2018 bị Công an phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa đóng phạt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/12/2018 cho đến nay. Có mặt.

2. Vi Văn N (tên gọi khác N), sinh năm 1990 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Bản C, xã H, huyện C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vi Văn D, sinh năm 1969 và bà Lim Thị K, sinh năm 1967; có một em, sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/12/2018 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Phòng quản lý đô thị huyện U, tỉnh Bình Dương. Trụ sở: Thị trấn T, huyện U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Tấn Đại S, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T, huyện U, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2018). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Ông Trần Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Ông Trần Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Tá C, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố Đ, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Lê Thị K, sinh năm 1973; địa chỉ: Phường C, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố Đ, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. Chị Vi Thị M, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố T, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

5. Anh Đặng Văn S, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố P, phường C, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Nhất Đ. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lang Văn H và Vi Văn N là bạn bè cùng sử dụng ma túy. Để có tiền sử dụng ma túy từ đầu tháng 11 đến tháng 12 năm 2018 bị cáo H và N đã thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện U, tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ, ngày 04/11/2018 bị cáo Vi Văn N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-128.72 chở bị cáo Lang Văn H từ phường C, thị xã A đến đoạn đường thuộc ấp S, xã C, huyện U thấy sát dải phân cách có các tấm vỉ sắt chắn rác không có người trông coi. Bị cáo N dừng xe cho bị cáo H xuống còn bị cáo N điều khiển xe đi chỗ khác để tránh bị phát hiện. Bị cáo H dùng tay

gỡ 03 tấm vỉ sắt, sau đó bị cáo N quay lại chở bị cáo H đem đi bán tại tiệm thu mua phế liệu của anh Phạm Tá C được số tiền 600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 07/11/2018, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-128.72 chở bị cáo H đến địa điểm thực hiện vụ trộm lần thứ nhất tại xã C, huyện U. Bị cáo H xuống xe dùng tay gỡ 05 tấm vỉ sắt chắn rác bỏ lên xe bị cáo N, sau đó chở đến tiệm thu mua phế liệu của anh Phạm Tá C bán được số tiền 1.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 12 giờ, ngày 22/12/2018 bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-128.72 chở bị cáo H đến khu vực ngã ba đường vào chợ T, huyện U. Thấy một xe mô tô có gắn mọt lôi tự chế dựng trước nhà không có người trông coi. Bị cáo N dừng xe để bị cáo H xuống tháo rời xe mô tô khỏi mọt lôi rồi kéo ra đường lên xe của N, mang đến tiệm thu mua phế liệu của chị Lê Thị K bán được số tiền 500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 19 giờ, ngày 22/12/2018 bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-128.72 chở bị cáo H đến khu vực cổng chợ C, huyện U thấy một mọt lôi tự chế dựng ở vỉ hè không có người trông coi. Bị cáo N dừng xe cho H chạy vào kéo mọt lôi đến tiệm thu mua phế liệu của chị Hoàng Thị P bán được số tiền 500.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 19 giờ cách vụ trộm thứ tư khoảng 02 ngày, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-128.72 chở bị cáo H đến khu vực đường thuộc xã C, huyện U. Bị cáo N dừng xe để bị cáo H xuống gỡ 05 tấm vỉ sắt, bị cáo N điều khiển xe đi chỗ khác để tránh bị phát hiện. Sau khi H gỡ xong, bị cáo N quay lại chở H đến tiệm thu mua phế liệu của chị Lê Thị K bán được với giá 1.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 12 giờ cách khoảng 02 ngày sau khi thực hiện vụ trộm thứ năm, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-128.72 chở bị cáo H đến khu vực thị trấn T, huyện U thấy 01 mọt lôi dựng trước nhà không có người trông coi. Nhập dừng xe để bị cáo H vào kéo ra đường rồi lên xe, bị cáo N chở đến tiệm thu mua phế liệu của anh Phạm Tá C bán được số tiền 500.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Vào khoảng 19 giờ ngày 28/11/2018, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-128.72 chở bị cáo H đến khu vực xã C, huyện U. Bị cáo N dừng xe để bị cáo H dùng tay gỡ 04 tấm vỉ sắt rồi bỏ lên xe bị cáo N chở đi đến tiệm thu mua phế liệu của chị P bán được số tiền 600.000 đồng.

Vụ thứ tám: Khoảng 19 giờ ngày 30/11/2018, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-128.72 chở bị cáo H đến khu vực xã C, huyện U. Khi đến nơi bị cáo H dùng tay gỡ 05 tấm vỉ sắt rồi bỏ lên xe bị cáo N chở đến tiệm của chị P bán được số tiền 800.000 đồng. Ngày 01/12/2018 bị cáo N điều khiển xe đến khu vực xã C, huyện U để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu nâu, biển số 37G1-128.72;

- 14 Tấm vỉ sắt, kích thước 1x0.32m; 01 Mọt lôi bằng sắt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 239/KLHĐ-ĐGTS ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xác định 22 tấm vỉ sắt trị giá 38.530.000 đồng và 03 mọt lôi tự chế trị giá 2.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 40.630.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 14/CT – VKS - BTU ngày 20 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lang Văn H và bị cáo Vi Văn N về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lang Văn H mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Vi Văn N mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại Phòng quản lý đô thị huyện U, tỉnh Bình Dương số tiền 20.016.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lang Văn H và Vi Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu, thống nhất với kết luận định giá tài sản, đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Bị cáo Lang Văn H và bị cáo Vi Văn N là đối tượng nghiện ma túy. Để có tiền sử dụng ma túy bị cáo N rủ bị cáo H đi trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 11 đến đầu tháng 12 năm 2018, bị cáo H và bị cáo N đã thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: Bị cáo N điều khiển xe mô tô 37G1-128.72 chở bị cáo H từ nhà trọ tại thị xã A, tỉnh Bình Dương đến địa bàn xã C và thị trấn T thuộc huyện U, tỉnh Bình Dương để bị cáo H lấy tổng cộng 22 tấm vỉ sắt chắn rác và 03 mọt lôi tự chế đem bán lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản số 239/KLHĐ-

ĐGTS ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện U, tỉnh Bình Dương xác định là 40.630.000 đồng. Như vậy, hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 40.630.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

" 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

…".

Như vậy, Cáo trạng số 14/CT – VKS - BTU ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản trong đó có 05 vụ trị giá tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng. Các bị cáo đều là người có nghề nghiệp, mục đích trộm cắp tài sản để sử dụng ma túy không phải lấy việc trộm cắp tài sản làm nghề và thu nhập có được từ việc trộm cắp tài sản làm nguồn thu nhập nuôi sống bản thân nên không xem là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo là người nghiện ma túy. Bị cáo Lang Văn H có một tiền sự ngày 06/11/2018 bị Công an phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

[7] Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm nên không xem là phạm tội có tổ chức. Bị cáo Vi Văn N là người rủ rê, sử dụng

phương tiện chở bị cáo H, đồng thời là người thực hành tích cực. Bị cáo Lang Văn H tham gia với vai trò là người thực hành. Nên khi quyết định hình phạt bị cáo Vi Văn N phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Lang Văn H.

[8] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 14 tấm vỉ sắt có kích thức 1x0.32m và 01 mọt lôi bằng sắt thu hồi được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã trả lại tài sản trên cho Phòng quản lý đô thị huyện U và anh Trần Văn H. Bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng nâu, biển số 37G-128.72 bị cáo Vi Văn N sử dụng làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh xác định xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu của chị Vi Thị M. Giữa chị M và bị cáo N sống chung với nhau không có đăng ký kết hôn, chị M xác định đây là tài sản riêng của chị M, chị M không biết bị cáo sử dụng xe trên vào việc phạm tội. Xét chị M không có lỗi trong việc để bị cáo sử dụng xe môtô trên vào việc phạm tội nên cần trả lại xe môtô cho chị M.

Đối với chị Lê Thị K, chị Hoàng Thị P và anh Phạm Tá C là người mua các tấm sỉ sắt và mọt lôi của các bị cáo nhưng không biết các tài sản này do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 5.500.000 đồng bị cáo Lang Văn H và Vi Văn N có được do bán 22 tấm vỉ sắt và 03 mọt lôi, các bị cáo đã sử dụng hết số tiền trên. Xét đây là số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần buộc các bị cáo nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với 02 mọt lôi bằng sắt không thu hồi được, bị hại anh Nguyễn Văn A và anh Trần Văn D không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 08 tấm vỉ sắt chặn rác hiện không thu hồi được, bị hại Phòng quản lý đô thị huyện U yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 20.016.000 đồng là có căn cứ, xét cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền trên cho bị hại.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lang Văn H và Vi Văn N phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lang Văn H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 12 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Vi Văn N 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 12 năm 2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lang Văn H và bị cáo Vi Văn N phải liên đới bồi thường cho Phòng quản lý đô thị huyện U, tỉnh Bình Dương số tiền 20.016.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Lang Văn H và bị cáo Vi Văn N nộp lại số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Tuyên trả cho chị Vi Thị M 01 xe mô tô biển số 37G1-128.72, số máy: JF66E0502503, số khung: RLHJF5816GY586583, nhãn hiệu Honda Vison, màu Trắng nâu.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lang Văn H và bị cáo Vi Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 1.000.800 đồng (Một triệu không trăm lẻ tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo (02);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Công an huyện Bắc Tân Uyên ();
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Quyết**